

**BẢNG GIÁ DỊCH VỤ KHÁM CHỮA BỆNH THEO YÊU CẦU**

| STT        | TÊN DỊCH VỤ                                                              | ĐƠN VỊ TÍNH      | ĐƠN GIÁ DV<br>THEO YÊU CẦU | GHI CHÚ                                                                                                                                   |
|------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            | <b>DỊCH VỤ KHU KHÁM VÀ ĐIỀU TRỊ THEO YÊU CẦU</b>                         |                  |                            |                                                                                                                                           |
| <b>I</b>   | <b>Khám bệnh dịch vụ theo yêu cầu</b>                                    |                  |                            |                                                                                                                                           |
| 1          | Khám bệnh dịch vụ theo yêu cầu                                           | Đồng/Lần         | 150.000                    | Nếu bệnh nhân có BHYT thì được tính chênh lệch theo giá Thông tư số 13/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019 của Bộ Y tế dựa vào phân loại công khám |
| 2          | Khám bệnh dịch vụ Bác sỹ chuyên gia                                      | Đồng/Lần         | 250.000                    |                                                                                                                                           |
| 3          | Khám bệnh dịch vụ theo yêu cầu phòng khám 2                              | Đồng/Lần         | 75.000                     |                                                                                                                                           |
| 4          | Khám bệnh dịch vụ Bác sỹ chuyên gia phòng khám 2                         | Đồng/Lần         | 125.000                    |                                                                                                                                           |
| 5          | Khám bệnh dịch vụ theo yêu cầu phòng khám 3 trở lên                      | Đồng/Lần         | 50.000                     |                                                                                                                                           |
| 6          | Khám bệnh dịch vụ Bác sỹ chuyên gia phòng khám 3 trở lên                 | Đồng/Lần         | 84.000                     |                                                                                                                                           |
| 7          | Khám bệnh theo yêu cầu ngày thứ 7, chủ nhật (ngoài giờ hành chính)       | Đồng/Lần         | 200.000                    |                                                                                                                                           |
| 8          | Tư vấn khám sức khỏe                                                     | Đồng/Lần         | 150.000                    |                                                                                                                                           |
| 9          | Tư vấn khám sức khỏe phòng khám 2                                        | Đồng/Lần         | 75.000                     |                                                                                                                                           |
| 10         | Tư vấn khám sức khỏe phòng khám 3 trở lên                                | Đồng/Lần         | 50.000                     |                                                                                                                                           |
| <b>II</b>  | <b>Phòng nằm điều trị khám và chữa bệnh theo yêu cầu</b>                 |                  |                            |                                                                                                                                           |
| 1          | Phòng nằm điều trị theo yêu cầu 01 giường                                | Đồng/ngày/giường | 2.000.000                  | Nếu bệnh nhân có BHYT thì được tính chênh lệch giá Thông tư số 13/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019 của Bộ Y tế dựa vào phân loại giường         |
| 2          | Phòng nằm điều trị theo yêu cầu 02 giường                                | Đồng/ngày/giường | 1.200.000                  |                                                                                                                                           |
| 3          | Phòng nằm điều trị theo yêu cầu 03 giường                                | Đồng/ngày/giường | 1.000.000                  |                                                                                                                                           |
| <b>III</b> | <b>Dịch vụ cận lâm sàng theo yêu cầu người bệnh</b>                      |                  |                            |                                                                                                                                           |
| 1          | Siêu âm trắng đen                                                        | Đồng/Lần         | 100.000                    |                                                                                                                                           |
| 2          | Siêu âm tổng quát màu 2D (vú, tuyến giáp, mô mềm.)                       | Đồng/Lần         | 120.000                    |                                                                                                                                           |
| 3          | Siêu âm màu tổng quát                                                    | Đồng/Lần         | 240.000                    |                                                                                                                                           |
| 4          | Siêu âm khớp háng 4D                                                     | Đồng/Lần         | 250.000                    |                                                                                                                                           |
| 5          | Siêu âm màu Mapping động tĩnh mạch chi trên                              | Đồng/Lần         | 280.000                    |                                                                                                                                           |
| 6          | Siêu âm thai + doppler                                                   | Đồng/Lần         | 300.000                    |                                                                                                                                           |
| 7          | Siêu âm màu hình thái                                                    | Đồng/Lần         | 400.000                    |                                                                                                                                           |
| 8          | Siêu âm mạch máu màu 4D                                                  | Đồng/Lần         | 500.000                    |                                                                                                                                           |
| 9          | Siêu âm FNA vú, tuyến giáp, hạch, mô mềm, màng phổi, màng bụng, màng tim | Đồng/Lần         | 800.000                    |                                                                                                                                           |
| <b>IV</b>  | <b>Dịch vụ phẫu thuật- thủ thuật răng hàm mặt theo yêu cầu</b>           |                  |                            |                                                                                                                                           |

| STT | TÊN DỊCH VỤ                                            | ĐƠN VỊ TÍNH | ĐƠN GIÁ DV<br>THEO YÊU CẦU | GHI CHÚ |
|-----|--------------------------------------------------------|-------------|----------------------------|---------|
| 1   | Cắt bỏ nang xương hàm dưới 2cm                         | Đồng/Lần    | 700.000                    |         |
| 2   | Cắt cuống răng                                         | Đồng/Lần    | 600.000                    |         |
| 3   | Cắt u lợi đường kính dưới hoặc bằng 2cm                | Đồng/Lần    | 500.000                    |         |
| 4   | Chi phí DV Cắt nướu                                    | Đồng/Lần    | 1.000.000                  |         |
| 5   | Chi phí DV Chữa tủy răng cối lớn                       | Đồng/Lần    | 1.500.000                  |         |
| 6   | Chi phí DV Chữa tủy răng cửa, răng nanh                | Đồng/Lần    | 1.000.000                  |         |
| 7   | Chi phí DV Điều chỉnh xương ổ răng                     | Đồng/Lần    | 2.000.000                  |         |
| 8   | Chi phí DV Làm dài thân răng lâm sàng                  | Đồng/Lần    | 1.500.000                  |         |
| 9   | Chi phí DV Lấy cao răng                                | Đồng/Lần    | 500.000                    |         |
| 10  | Chi phí DV Nạo nang quanh chóp sau nhổ răng            | Đồng/Lần    | 500.000                    |         |
| 11  | Chi phí DV Nạo túi lợi                                 | Đồng/Lần    | 1.000.000                  |         |
| 12  | Chi phí DV Nhổ răng khó                                | Đồng/Lần    | 1.000.000                  |         |
| 13  | Chi phí DV Nhổ răng lệch                               | Đồng/Lần    | 1.500.000                  |         |
| 14  | Chi phí DV Nhổ răng lung lay                           | Đồng/Lần    | 300.000                    |         |
| 15  | Chi phí DV Nhổ răng ngầm                               | Đồng/Lần    | 2.000.000                  |         |
| 16  | Chi phí DV Nhổ răng sữa                                | Đồng/Lần    | 100.000                    |         |
| 17  | Chi phí DV Nhổ răng thường                             | Đồng/Lần    | 500.000                    |         |
| 18  | Chi phí DV Trám răng thẩm mỹ                           | Đồng/Lần    | 500.000                    |         |
| 19  | Chi phí PTDV Cắt lợi trùm                              | Đồng/Lần    | 1.000.000                  |         |
| 20  | Chi phí PTDV Cắt nang nhầy môi                         | Đồng/Lần    | 2.000.000                  |         |
| 21  | Cắt đường rò luân nhĩ                                  | Đồng/Lần    | 2.000.000                  |         |
| 22  | Chi phí PTDV Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10 cm | Đồng/Lần    | 2.500.000                  |         |
| 23  | Chi phí PTDV Cắt u lành phần mềm đường kính trên 10 cm | Đồng/Lần    | 3.000.000                  |         |
| 24  | Dự phòng sâu răng bằng Varnish                         | Đồng/Lần    | 400.000                    |         |
| 25  | Khâu vết thương phần mềm vùng hàm mặt phức tạp < 5cm   | Đồng/Lần    | 800.000                    |         |
| 26  | Khâu vết thương phần mềm vùng hàm mặt phức tạp > 5cm   | Đồng/Lần    | 1.000.000                  |         |
| 27  | Khâu vết thương phần mềm vùng hàm mặt chỉ tự tiêu      | Đồng/Lần    | 600.000                    |         |
| 28  | Phẫu thuật cắt phanh lưỡi                              | Đồng/Lần    | 700.000                    |         |
| 29  | Phẫu thuật cắt phanh môi                               | Đồng/Lần    | 700.000                    |         |
| 30  | Phẫu thuật tạo hình xương ổ răng                       | Đồng/Lần    | 700.000                    |         |
| 31  | Phẫu thuật vật điều trị túi quanh răng                 | Đồng/Lần    | 800.000                    |         |
| 32  | Phục hồi cổ răng bằng Composite                        | Đồng/Lần    | 300.000                    |         |
| 33  | Tẩy trắng răng tùy sở thích có sử dụng đèn Laser       | Đồng/Lần    | 2.000.000                  |         |
| 34  | Trám răng sữa                                          | Đồng/Lần    | 300.000                    |         |
| 35  | Trám răng vĩnh viễn GIC, composite                     | Đồng/Lần    | 300.000                    |         |
| 36  | Chụp xquang cận chóp kỹ thuật số                       | Đồng/Lần    | 50.000                     |         |

| STT | TÊN DỊCH VỤ                                | ĐƠN VỊ TÍNH | ĐƠN GIÁ DV<br>THEO YÊU CẦU | GHI CHÚ |
|-----|--------------------------------------------|-------------|----------------------------|---------|
| 37  | Chốt kim loại                              | Đồng/Lần    | 200.000                    |         |
| 38  | Cầu hợp kim thường                         | Đồng/Lần    | 1.000.000                  |         |
| 39  | Cầu hợp kim titanium cần sứ                | Đồng/Lần    | 2.000.000                  |         |
| 40  | Cầu kim loại cần sứ                        | Đồng/Lần    | 1.000.000                  |         |
| 41  | Cầu kim loại crom-coban cần sứ             | Đồng/Lần    | 2.500.000                  |         |
| 42  | Cầu sứ ceron                               | Đồng/Lần    | 4.000.000                  |         |
| 43  | Cầu sứ toàn phần Emax                      | Đồng/Lần    | 6.000.000                  |         |
| 44  | Chốt cùi đúc kim loại                      | Đồng/Lần    | 500.000                    |         |
| 45  | Chốt sợi thủy tinh                         | Đồng/Lần    | 500.000                    |         |
| 46  | Cùi đúc kim loại                           | Đồng/Lần    | 500.000                    |         |
| 47  | Cùi đúc kim loại quý                       | Đồng/Lần    | 1.500.000                  |         |
| 48  | Cùi đúc titanium                           | Đồng/Lần    | 1.000.000                  |         |
| 49  | Cùi đúc toàn sứ                            | Đồng/Lần    | 1.000.000                  |         |
| 50  | Đệm hàm nhựa thường                        | Đồng/Lần    | 1.000.000                  |         |
| 51  | Đính đá răng                               | Đồng/Lần    | 500.000                    |         |
| 52  | Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo     | Đồng/Lần    | 1.500.000                  |         |
| 53  | Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường  | Đồng/Lần    | 500.000                    |         |
| 54  | Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo    | Đồng/Lần    | 2.000.000                  |         |
| 55  | Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường | Đồng/Lần    | 500.000                    |         |
| 56  | Hàm khung kim loại                         | Đồng/Lần    | 1.000.000                  |         |
| 57  | Hàm khung liên kết                         | Đồng/Lần    | 5.000.000                  |         |
| 58  | Hàm khung titanium                         | Đồng/Lần    | 2.000.000                  |         |
| 59  | Inlay, onlay composite                     | Đồng/Lần    | 1.000.000                  |         |
| 60  | Inlay, onlay toàn sứ                       | Đồng/Lần    | 6.000.000                  |         |
| 61  | Inlay/ onlay hợp kim titanium              | Đồng/Lần    | 1.500.000                  |         |
| 62  | Inlay/ onlay kim loại quý                  | Đồng/Lần    | 2.000.000                  |         |
| 63  | Inlay/ onlay sứ toàn phần                  | Đồng/Lần    | 4.000.000                  |         |
| 64  | Inlay/onlay kim loại                       | Đồng/Lần    | 1.000.000                  |         |
| 65  | Lưới hàm                                   | Đồng/Lần    | 1.000.000                  |         |
| 66  | Mài chỉnh khớp cắn                         | Đồng/Lần    | 1.000.000                  |         |
| 67  | Máng nhai điều trị khớp thái dương hàm     | Đồng/Lần    | 4.000.000                  |         |
| 68  | Răng giả tháo lắp                          | Đồng/Lần    | 500.000                    |         |
| 69  | Sửa hàm giả gãy                            | Đồng/Lần    | 500.000                    |         |
| 70  | Tẩy trắng răng (máng tẩy hoặc đèn halogen) | Đồng/Lần    | 2.000.000                  |         |
| 71  | Tháo cầu răng giả                          | Đồng/Lần    | 200.000                    |         |
| 72  | Tháo chụp răng giả / 1 cùi                 | Đồng/Lần    | 200.000                    |         |

| STT | TÊN DỊCH VỤ                                                                                                     | ĐƠN VỊ TÍNH | ĐƠN GIÁ DV<br>THEO YÊU CẦU | GHI CHÚ |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------|---------|
| 73  | Thêm móc cho hàm giả tháo lắp                                                                                   | Đồng/Lần    | 500.000                    |         |
| 74  | Thêm răng cho hàm giả tháo lắp                                                                                  | Đồng/Lần    | 500.000                    |         |
| 75  | Thêm răng, thêm móc cho hàm giả tháo lắp                                                                        | Đồng/Lần    | 500.000                    |         |
| 76  | Veneer sứ toàn phần                                                                                             | Đồng/Lần    | 6.000.000                  |         |
| 77  | Đinh đa răng                                                                                                    | Đồng/Lần    | 500.000                    |         |
| 78  | Cắm ghép Implant hạng trung                                                                                     | Đồng/Lần    | 20.000.000                 |         |
| 79  | Ghép xương                                                                                                      | Đồng/Lần    | 10.000.000                 |         |
| 80  | Phục hình trên implant                                                                                          | Đồng/Lần    | 8.000.000                  |         |
| 81  | Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp                                                    | Đồng/Lần    | 2.000.000                  |         |
| 82  | Nắn chỉnh răng sử dụng neo chặn bằng MICROIMPLANT                                                               | Đồng/Lần    | 3.000.000                  |         |
| 83  | Giữ khoảng răng bằng khí cụ cố định cung ngang khẩu cái (TPA)                                                   | Đồng/Lần    | 4.000.000                  |         |
| 84  | Làm lún răng cửa hàm dưới sử dụng khí cụ tháo lắp tâm căn (BITE PLATE) hoặc mặt phẳng căn phía trước (ANTERIOR) | Đồng/Lần    | 4.000.000                  |         |
| 85  | Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ tháo lắp                                                                     | Đồng/Lần    | 4.000.000                  |         |
| 86  | Sử dụng cung lưỡi làm neo chặn trong điều trị nắn chỉnh răng                                                    | Đồng/Lần    | 4.000.000                  |         |
| 87  | Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi                                                          | Đồng/Lần    | 4.000.000                  |         |
| 88  | Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút môi                                                           | Đồng/Lần    | 4.000.000                  |         |
| 89  | Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút ngón tay                                                      | Đồng/Lần    | 4.000.000                  |         |
| 90  | Sử dụng khí cụ cố định NANCE làm neo chặn trong điều trị nắn chỉnh răng                                         | Đồng/Lần    | 4.000.000                  |         |
| 91  | Giữ khoảng răng bằng khí cụ cố định L.A                                                                         | Đồng/Lần    | 6.000.000                  |         |
| 92  | Nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp                                                                             | Đồng/Lần    | 6.000.000                  |         |
| 93  | Nắn chỉnh răng/hàm dùng lực ngoài miệng sử dụng HEADGEAR                                                        | Đồng/Lần    | 8.000.000                  |         |
| 94  | Điều trị chỉnh hình răng mặt sử dụng khí cụ FACE MASK và ốc nong nhanh                                          | Đồng/Lần    | 19.000.000                 |         |
| 95  | Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ chức năng cố định FORSUS                                 | Đồng/Lần    | 20.000.000                 |         |
| 96  | Đóng khoảng răng sử dụng khí cụ cố định                                                                         | Đồng/Lần    | 25.000.000                 |         |
| 97  | Kỹ thuật lấy lại khoảng bằng khí cụ cố định                                                                     | Đồng/Lần    | 25.000.000                 |         |
| 98  | Nắn chỉnh răng lạc chỗ sử dụng khí cụ cố định                                                                   | Đồng/Lần    | 25.000.000                 |         |
| 99  | Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ cố định                                                                      | Đồng/Lần    | 25.000.000                 |         |
| 100 | Sử dụng khí cụ cố cố định loại I                                                                                | Đồng/Lần    | 25.000.000                 |         |
| 101 | Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung tiện ích (UTILITY ARCHWIRE) và cung phụ làm lún răng cửa         | Đồng/Lần    | 28.000.000                 |         |
| 102 | Làm trôi răng hàm nhỏ hàm dưới sử dụng khí cụ gắn chặt                                                          | Đồng/Lần    | 28.000.000                 |         |
| 103 | Sử dụng khí cụ cố cố định loại I phức tạp                                                                       | Đồng/Lần    | 28.000.000                 |         |
| 104 | Sử dụng khí cụ cố cố định loại II                                                                               | Đồng/Lần    | 32.000.000                 |         |
| 105 | Giữ khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp                                                                            | Đồng/Lần    | 2.000.000                  |         |
| 106 | Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ cố định                                                     | Đồng/Lần    | 3.000.000                  |         |

| STT | TÊN DỊCH VỤ                                                                                                 | ĐƠN VỊ TÍNH | ĐƠN GIÁ DV<br>THEO YÊU CẦU | GHI CHÚ |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------|---------|
| 107 | Kỹ thuật làm dài thân răng lâm sàng                                                                         | Đồng/Lần    | 3.000.000                  |         |
| 108 | Sử dụng cung ngang vòm khẩu cái (TPA) làm neo chặn trong điều trị nắn chỉnh răng                            | Đồng/Lần    | 4.000.000                  |         |
| 109 | Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định ốc nong nhanh                                                             | Đồng/Lần    | 11.000.000                 |         |
| 110 | Đóng khoảng bằng khí cụ tháo lắp                                                                            | Đồng/Lần    | 11.000.000                 |         |
| 111 | Nong rộng hàm bằng khí cụ QUAD HELIX                                                                        | Đồng/Lần    | 11.500.000                 |         |
| 112 | Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung bẻ LOOP L hoặc dây cung đảo ngược đường cong SPEE có bẻ LOOP | Đồng/Lần    | 25.000.000                 |         |
| V   | <b>Xét nghiệm gửi mẫu</b>                                                                                   |             | 1.000.000                  |         |
| 1   | Amibe/serum ( sero Amibe) ( Entamoeba histolytica )                                                         | Đồng/Lần    | 100.000                    |         |
| 2   | Anti HAV Igm                                                                                                | Đồng/Lần    | 190.000                    |         |
| 3   | Anti HBc IgM                                                                                                | Đồng/Lần    | 160.000                    |         |
| 4   | Cysticercosis ( Taenia Solium ) IgG ( Sán dải heo )                                                         | Đồng/Lần    | 100.000                    |         |
| 5   | Cysticercosis ( Taenia Solium ) IgM ( Sán dải heo )                                                         | Đồng/Lần    | 100.000                    |         |
| 6   | Fasciola Hepatica/ blood ( Sán lá gan ) ( Sero Fasciola sp IgG )                                            | Đồng/Lần    | 100.000                    |         |
| 7   | Fasciola hepatica/blood (Sán lá gan) (Sero Fasciola sp IgG)                                                 | Đồng/Lần    | 100.000                    |         |
| 8   | Gnathostoma IgG ( sán đầu gai )                                                                             | Đồng/Lần    | 100.000                    |         |
| 9   | HBsAg (Định lượng, quantitative)                                                                            | Đồng/Lần    | 400.000                    |         |
| 10  | HBV DNA ( Đ.tính, qualitative )                                                                             | Đồng/Lần    | 300.000                    |         |
| 11  | HBV DNA ( Qiagen )                                                                                          | Đồng/Lần    | 950.000                    |         |
| 12  | HBV DNA Cobas Taqman ( Đ.lượng )                                                                            | Đồng/Lần    | 1.250.000                  |         |
| 13  | HBV DNA Realtime ( Đ.lượng )                                                                                | Đồng/Lần    | 350.000                    |         |
| 14  | HCV Genotype ( Sequencing NS5B )                                                                            | Đồng/Lần    | 1.050.000                  |         |
| 15  | HCV Genotype Taqman ( Realtime )                                                                            | Đồng/Lần    | 750.000                    |         |
| 16  | HCV RNA Realtime ( Đ.lượng, quantitative )                                                                  | Đồng/Lần    | 550.000                    |         |
| 17  | HCV RNACobasTaqman ( Đ.lượng )                                                                              | Đồng/Lần    | 1.350.000                  |         |
| 18  | HCV-RNA ( Đ.tính quatitative )                                                                              | Đồng/Lần    | 500.000                    |         |
| 19  | HP Test IgG (Helicobacter pylori)                                                                           | Đồng/Lần    | 130.000                    |         |
| 20  | HP Test IgM (Helicobacter pylori)                                                                           | Đồng/Lần    | 130.000                    |         |
| 21  | Paragonimus IgG (Sán lá phổi)                                                                               | Đồng/Lần    | 100.000                    |         |
| 22  | Paragonimus IgM (Sán lá phổi)                                                                               | Đồng/Lần    | 100.000                    |         |
| 23  | XN (bằng phương pháp thủ công)                                                                              | Đồng/Lần    | 35.800                     |         |
| 24  | AMH                                                                                                         | Đồng/Lần    | 700.000                    |         |
| 25  | Chlamydia IgG                                                                                               | Đồng/Lần    | 220.000                    |         |
| 26  | Chlamydia IgM                                                                                               | Đồng/Lần    | 220.000                    |         |
| 27  | CMV IgG                                                                                                     | Đồng/Lần    | 190.000                    |         |
| 28  | CMV IgM                                                                                                     | Đồng/Lần    | 190.000                    |         |

| STT        | TÊN DỊCH VỤ                                                                                     | ĐƠN VỊ TÍNH | ĐƠN GIÁ DV<br>THEO YÊU CẦU | GHI CHÚ |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------|---------|
| 29         | FSH                                                                                             | Đồng/Lần    | 150.000                    |         |
| 30         | Giải phẫu bệnh 1 mẫu                                                                            | Đồng/Lần    | 350.000                    |         |
| 31         | Giải phẫu bệnh 2 mẫu                                                                            | Đồng/Lần    | 450.000                    |         |
| 32         | HPV Genotype (định tính, định type)                                                             | Đồng/Lần    | 380.000                    |         |
| 33         | Karyotype máu                                                                                   | Đồng/Lần    | 800.000                    |         |
| 34         | LH                                                                                              | Đồng/Lần    | 150.000                    |         |
| 35         | Mẫu bệnh phẩm dịch khoang cơ thể: màng phổi, màng tim, màng bụng                                | Đồng/Lần    | 450.000                    |         |
| 36         | Mẫu bệnh tế bào FNA                                                                             | Đồng/Lần    | 280.000                    |         |
| 37         | Mẫu mô lớn (Dạ dày, ruột, tử cung, u xơ, u nang, gan, thận, phổi... và các cơ quan khác)        | Đồng/Lần    | 750.000                    |         |
| 38         | Mẫu xét nghiệm tế bào cổ tử cung (papmer) liquid prep                                           | Đồng/Lần    | 350.000                    |         |
| 39         | Nhuộm HMMD (Marker)                                                                             | Đồng/Lần    | 550.000                    |         |
| 40         | QF-PCR dịch ối                                                                                  | Đồng/Lần    | 2.500.000                  |         |
| 41         | Que cấy ngừa thai                                                                               | Đồng/Lần    | 2.500.000                  |         |
| 42         | Sàng lọc sơ sinh( G6PD, TSh, 17OH-P)                                                            | Đồng/Lần    | 340.000                    |         |
| 43         | Toxoplasma IgG                                                                                  | Đồng/Lần    | 190.000                    |         |
| 44         | Toxoplasma IgM                                                                                  | Đồng/Lần    | 190.000                    |         |
| <b>VI</b>  | <b>Dịch vụ Tiêm chủng theo yêu cầu</b>                                                          |             |                            |         |
| 1          | Tiêm vaccin cúm (Influvac tetra,Hà Lan) [ Dịch vụ yêu cầu]                                      | Đồng/Lần    | 290.000                    |         |
| 2          | Tiêm vaccin ngừa Bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt, Hib và viêm gan B (Hexaxim mũi 6in1, Pháp) | Đồng/Lần    | 979.000                    |         |
| 3          | Tiêm vaccin ngừa các bệnh do Phế cầu (Synflorix, Bỉ)                                            | Đồng/Lần    | 985.000                    |         |
| 4          | Tiêm vaccin ngừa các bệnh do Phế cầu (Prevenar 13, Bỉ)                                          | Đồng/Lần    | 1.255.000                  |         |
| 5          | Tiêm vaccin ngừa Viêm Gan B người lớn (Engerix B 1ml, Bỉ)                                       | Đồng/Lần    | 198.000                    |         |
| 6          | Tiêm vaccin ngừa Viêm Gan B người lớn (Gene - HBvax, VN)                                        | Đồng/Lần    | 145.000                    |         |
| 7          | Tiêm vaccin ngừa Viêm màng não mô cầu ACYW (Menactra, Mỹ)                                       | Đồng/Lần    | 1.226.000                  |         |
| 8          | Tiêm vaccin ngừa Sởi - Quai bị - Rubella (MMR II 3in1)                                          | Đồng/Lần    | 251.000                    |         |
| 9          | Tiêm vaccin ngừa Thủy đậu (Varivax, Mỹ)                                                         | Đồng/Lần    | 859.000                    |         |
| 10         | Tiêm vaccin ngừa Cúm (Ivacflu-S 0.5ml, VN)                                                      | Đồng/Lần    | 200.000                    |         |
| 11         | Tiêm vaccin ngừa Ung thư cổ tử cung và u nhú bộ phận sinh dục, sùi mào gà (Gardasil 0.5ml, Mỹ)  | Đồng/Lần    | 1.727.000                  |         |
| 12         | Tiêm vaccin ngừa Uốn ván - VAT (TT, VN)                                                         | Đồng/Lần    | 89.000                     |         |
| 13         | Huyết thanh kháng uốn ván(SAT), (VN)                                                            | Đồng/Lần    | 95.000                     |         |
| 14         | Tiêm vaccin ngừa Viêm não Nhật Bản (Imojev, Thái Lan)                                           | Đồng/Lần    | 668.000                    |         |
| 15         | Tiêm Vaccin phòng dại (Verorab 0.5ml (TB, TTD), Pháp)                                           | Đồng/Lần    | 317.000                    |         |
| 16         | Tiêm vaccin ngừa tiêu chảy do Rotavirus (Rotateq, Mỹ)                                           | Đồng/Lần    | 648.000                    |         |
| 17         | Tiêm vaccin ngừa Viêm Gan A (Havax, VN)                                                         | Đồng/Lần    | 200.000                    |         |
| <b>VII</b> | <b>Dịch vụ y tế và ngoài y tế khác theo yêu cầu của người bệnh</b>                              |             |                            |         |

| STT        | TÊN DỊCH VỤ                                                    | ĐƠN VỊ TÍNH      | ĐƠN GIÁ DV<br>THEO YÊU CẦU | GHI CHÚ                                                                                                                           |
|------------|----------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Chăm sóc VIP sanh đơn thai                                     | Đồng/ gói        | 1.220.000                  |                                                                                                                                   |
| 2          | Chăm sóc VIP sanh song thai                                    | Đồng/ gói        | 1.620.000                  |                                                                                                                                   |
| 3          | Chăm sóc VIP mổ đơn thai                                       | Đồng/ gói        | 1.340.000                  |                                                                                                                                   |
| 4          | Chăm sóc VIP mổ song thai                                      | Đồng/ gói        | 1.820.000                  |                                                                                                                                   |
| 5          | Tắm và massage bé                                              | Đồng/ gói        | 70.000                     |                                                                                                                                   |
| 6          | Gội đầu sản phụ                                                | Đồng/Lần         | 70.000                     |                                                                                                                                   |
| 7          | Dịch vụ xông phục hồi sản chậu                                 | Đồng/Lần         | 70.000                     |                                                                                                                                   |
| 8          | Masage thông tắc tuyến sữa                                     | Đồng/Lần         | 100.000                    |                                                                                                                                   |
| 9          | Dịch vụ giặt đồ                                                | Đồng/Lần         | 50.000                     |                                                                                                                                   |
| 10         | Dịch vụ xông phục hồi sản chậu                                 | Đồng/Lần         | 70.000                     |                                                                                                                                   |
| 11         | Sanh dịch vụ                                                   | Đồng/Lần         | 3.000.000                  |                                                                                                                                   |
| 12         | Theo dõi nhịp tim thai và con co tử cung bằng monitor sản khoa | Đồng/Lần         | 55.000                     |                                                                                                                                   |
| 13         | Dịch vụ may thẩm mỹ tăng sinh môn                              | Đồng/Lần         | 2.500.000                  |                                                                                                                                   |
| 14         | Sổ khám bệnh                                                   | Đồng/Lần         | 5.000                      |                                                                                                                                   |
| 15         | Sanh dịch vụ                                                   | Đồng/Lần         | 3.000.000                  |                                                                                                                                   |
| 16         | Theo dõi nhịp tim thai và con co tử cung bằng monitor sản khoa | Đồng/Lần         | 55.000                     |                                                                                                                                   |
| 17         | Phòng sinh gia đình                                            | Đồng/Lần         | 2.000.000                  |                                                                                                                                   |
| 18         | Theo dõi tại phòng sinh gia đình                               | Đồng/Lần         | 1.000.000                  |                                                                                                                                   |
|            | <b>DỊCH VỤ KHU CÔNG</b>                                        |                  |                            |                                                                                                                                   |
| <b>I</b>   | <b>Phòng nằm điều trị khám và chữa bệnh</b>                    |                  |                            |                                                                                                                                   |
| 1          | Phòng nằm điều trị theo yêu cầu 01 giường                      | Đồng/ngày/giường | 300.000                    | Nếu bệnh nhân có BHYT thì được tính chênh lệch giá Thông tư số 13/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019 của Bộ Y tế dựa vào phân loại giường |
| 2          | Phòng nằm điều trị theo yêu cầu 01 giường                      | Đồng/ngày/giường | 400.000                    |                                                                                                                                   |
| 3          | Phòng nằm điều trị theo yêu cầu 01 giường                      | Đồng/ngày/giường | 600.000                    |                                                                                                                                   |
| 4          | Giường nằm điều trị trong ngày trên 8 giờ                      | Đồng/giường      | 400.000                    |                                                                                                                                   |
| 5          | Giường nằm điều trị trong ngày từ 4-8 giờ                      | Đồng/giường      | 200.000                    |                                                                                                                                   |
| 6          | Giường nằm điều trị trong ngày từ 2-4 giờ                      | Đồng/giường      | 100.000                    |                                                                                                                                   |
| 7          | Giường nằm điều trị trong ngày dưới 2 giờ                      | Đồng/giường      | 50.000                     |                                                                                                                                   |
| <b>II</b>  | <b>Khám bệnh tại nhà</b>                                       |                  |                            |                                                                                                                                   |
| 1          | Dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà: Gói chăm sóc toàn diện      | Đồng/Lần         | 500.000                    |                                                                                                                                   |
| 2          | Dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà: Gói chăm sóc cơ bản         | Đồng/Lần         | 200.000                    |                                                                                                                                   |
| 3          | Lấy mẫu xét nghiệm tại nhà                                     | Đồng/Lần         | 200.000                    |                                                                                                                                   |
| <b>III</b> | <b>Dịch vụ truyền dịch, truyền đạm</b>                         |                  |                            |                                                                                                                                   |
| 1          | Truyền dịch, truyền đạm /chai                                  | Đồng/Lần         | 150.000                    | Chưa bao gồm chi phí thuốc (chỉ thực hiện đối với người bệnh ngoại trú)                                                           |

| STT         | TÊN DỊCH VỤ                                                             | ĐƠN VỊ TÍNH | ĐƠN GIÁ DV<br>THEO YÊU CẦU                                                                                                                                              | GHI CHÚ |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>IV</b>   | <b>Yêu cầu nhân viên y tế trực tiếp thực hiện phẫu thuật, thủ thuật</b> |             |                                                                                                                                                                         |         |
| <b>IV.1</b> | <b>Dịch vụ phẫu thuật, thủ thuật chuyên khoa theo yêu cầu</b>           |             | Chưa bao gồm giá phẫu thuật, thủ thuật theo quy định tại Thông tư số 13/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019 của Bộ Y tế và Thông tư số 14/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019 của Bộ Y tế |         |
| <b>A</b>    | <b>KHOA PHỤ SẢN</b>                                                     |             |                                                                                                                                                                         |         |
| 1           | Chi phí PTDV PT lấy thai lần đầu                                        | Đồng/Lần    | 3.000.000                                                                                                                                                               |         |
| 2           | Chi phí PTDV PT lấy thai lần 2                                          | Đồng/Lần    | 3.500.000                                                                                                                                                               |         |
| 3           | Chi phí PTDV PT lấy thai lần 3                                          | Đồng/Lần    | 4.000.000                                                                                                                                                               |         |
| 4           | Chi phí PTDV PT lấy thai lần 4                                          | Đồng/Lần    | 4.500.000                                                                                                                                                               |         |
| 5           | Chi phí PTDV PT cắt tử cung đường bụng                                  | Đồng/Lần    | 3.500.000                                                                                                                                                               |         |
| 6           | Chi phí PTDV PT cắt tử cung ngã âm đạo                                  | Đồng/Lần    | 4.000.000                                                                                                                                                               |         |
| 7           | Chi phí PTDV PT bóc u xơ tử cung                                        | Đồng/Lần    | 3.000.000                                                                                                                                                               |         |
| 8           | Chi phí PTDV PT Nội soi u nang buồng trứng                              | Đồng/Lần    | 3.000.000                                                                                                                                                               |         |
| 9           | Chi phí PTDV PT u nang mô hỡ                                            | Đồng/Lần    | 3.000.000                                                                                                                                                               |         |
| 10          | Chi phí PTDV PT Nội soi thai ngoài tử cung                              | Đồng/Lần    | 3.000.000                                                                                                                                                               |         |
| 11          | Chi phí PTDV PT Nội soi buồng trứng                                     | Đồng/Lần    | 3.500.000                                                                                                                                                               |         |
| 12          | Chi phí PTDV bóc tuyến Bartholin                                        | Đồng/Lần    | 2.500.000                                                                                                                                                               |         |
| 13          | Chi phí PTDV Rạch áp xe vú                                              | Đồng/Lần    | 500.000                                                                                                                                                                 |         |
| 14          | Chi phí PTDV bóc nang vú lạnh tĩnh                                      | Đồng/Lần    | 2.500.000                                                                                                                                                               |         |
| 15          | Chi phí PTDV rạch nang tuyến Bartholin                                  | Đồng/Lần    | 500.000                                                                                                                                                                 |         |
| 16          | Chi phí PTDV cắt polype cổ tử cung                                      | Đồng/Lần    | 1.000.000                                                                                                                                                               |         |
| 17          | Chi phí PTDV PT Nội soi cắt tử cung                                     | Đồng/Lần    | 4.000.000                                                                                                                                                               |         |
| 18          | Chí phí DV phá thai nội khoa ( Thai lưu ) đến 9 tuần )                  | Đồng/Lần    | 2.000.000                                                                                                                                                               |         |
| <b>B</b>    | <b>KHOA NGOẠI TỔNG HỢP</b>                                              |             |                                                                                                                                                                         |         |
| 1           | Chi phí PTDV dò hậu môn                                                 | Đồng/Lần    | 3.000.000                                                                                                                                                               |         |
| 2           | Chi phí PTDV đóng hậu môn nhân tạo                                      | Đồng/Lần    | 3.000.000                                                                                                                                                               |         |
| 3           | Chi phí PTDV khâu da thì 2                                              | Đồng/Lần    | 3.000.000                                                                                                                                                               |         |
| 4           | Chi phí PTDV mở dạ dày ra da                                            | Đồng/Lần    | 3.000.000                                                                                                                                                               |         |
| 5           | Chi phí PTDV rò, nang ống rốn tràng, nang niệu rốn                      | Đồng/Lần    | 3.000.000                                                                                                                                                               |         |
| 6           | Chi phí PTDV thoát vị bẹn thường                                        | Đồng/Lần    | 3.000.000                                                                                                                                                               |         |
| 7           | Chi phí PTDV thoát vị rốn và khe hở thành bụng                          | Đồng/Lần    | 3.000.000                                                                                                                                                               |         |
| 8           | Chi phí PTDV thoát vị thành bụng                                        | Đồng/Lần    | 3.000.000                                                                                                                                                               |         |
| 9           | Chi phí PTDV thoát vị bẹn có mảnh ghép                                  | Đồng/Lần    | 3.500.000                                                                                                                                                               |         |
| 10          | Chi phí PTDV cắt trĩ                                                    | Đồng/Lần    | 4.000.000                                                                                                                                                               |         |
| 11          | Chi phí PTDV cắt túi mật nội soi                                        | Đồng/Lần    | 4.000.000                                                                                                                                                               |         |



| STT      | TÊN DỊCH VỤ                                                                    | ĐƠN VỊ TÍNH | ĐƠN GIÁ DV<br>THEO YÊU CẦU | GHI CHÚ |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------|---------|
| 12       | Chi phí PTDV thoát vị bẹn nội soi ( 1 bên) ( Chưa bao gồm mảnh ghép )          | Đồng/Lần    | 4.000.000                  |         |
| 13       | Chi phí PTDV thoát vị bẹn nội soi ( 2 bên) ( Chưa bao gồm mảnh ghép )          | Đồng/Lần    | 5.000.000                  |         |
| 14       | Chi phí PTDV vá sọ tự thân                                                     | Đồng/Lần    | 5.000.000                  |         |
| 15       | Chi phí PTDV cắt ruột thừa nội soi                                             | Đồng/Lần    | 3.000.000                  |         |
| 16       | Chi phí PTDV Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10 cm                         | Đồng/Lần    | 1.500.000                  |         |
| 17       | Chi phí PTDV cắt u lành phần mềm đường kính trên 10 cm                         | Đồng/Lần    | 2.000.000                  |         |
| 18       | Chi phí PTDV khâu thủng dạ dày nội soi                                         | Đồng/Lần    | 3.000.000                  |         |
| <b>C</b> | <b>KHOA NGOẠI THẬN - TIẾT NIỆU</b>                                             |             |                            |         |
| 1        | Chi phí PTDV Thủ thuật nội soi bằng quang chẩn đoán (không sinh thiết)         | Đồng/Lần    | 500.000                    |         |
| 2        | Chi phí PTDV Nội soi bằng quang                                                | Đồng/Lần    | 1.000.000                  |         |
| 3        | Chi phí PTDV Phẫu thuật nội soi rút thông JJ                                   | Đồng/Lần    | 1.000.000                  |         |
| 4        | Chi phí PTDV Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn                               | Đồng/Lần    | 1.000.000                  |         |
| 5        | Chi phí PTDV phẫu thuật mở rộng miệng sáo trong hẹp miệng sáo hoặc lấy sỏi kẹt | Đồng/Lần    | 1.600.000                  |         |
| 6        | Chi phí PTDV Cắt nang thừng tinh một bên                                       | Đồng/Lần    | 2.000.000                  |         |
| 7        | Chi phí PTDV phẫu thuật cắt bỏ da quy đầu do dính hoặc dài                     | Đồng/Lần    | 2.000.000                  |         |
| 8        | Chi phí PTDV phẫu thuật đặt hoặc thay ống JJ niệu quản                         | Đồng/Lần    | 2.000.000                  |         |
| 9        | Chi phí PTDV phẫu thuật hạ tinh hoàn ẩn xuống bìu                              | Đồng/Lần    | 2.000.000                  |         |
| 10       | Chi phí PTDV phẫu thuật thắt tĩnh mạch thừng tinh trên bụng                    | Đồng/Lần    | 2.000.000                  |         |
| 11       | Chi phí PTDV phẫu thuật thoát vị bẹn, tràn dịch tinh mạc TE                    | Đồng/Lần    | 2.000.000                  |         |
| 12       | Tràn dịch tinh mạc <06 tuổi                                                    | Đồng/Lần    | 2.500.000                  |         |
| 13       | Chi phí PTDV phẫu thuật tái tạo miệng sáo do hẹp miệng sáo                     | Đồng/Lần    | 3.000.000                  |         |
| 14       | Chi phí PTDV phẫu thuật tán sỏi kẹt niệu đạo bằng laser                        | Đồng/Lần    | 3.000.000                  |         |
| 15       | Chi phí PTDV tán sỏi bằng quang bằng laser                                     | Đồng/Lần    | 3.500.000                  |         |
| 16       | Chi phí PTDV Mô lấy sỏi bằng quang                                             | Đồng/Lần    | 4.000.000                  |         |
| 17       | Chi phí PTDV Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận sau phúc mạc                | Đồng/Lần    | 4.000.000                  |         |
| 18       | Chi phí PTDV tán sỏi niệu quản ngược dòng bằng laser                           | Đồng/Lần    | 4.000.000                  |         |
| 19       | Chi phí PTDV Phẫu thuật mổ hở lấy sỏi niệu quản                                | Đồng/Lần    | 4.500.000                  |         |
| 20       | Phẫu thuật cắt da quy đầu bằng máy bấm                                         | Đồng/Lần    | 4.900.000                  |         |
| 21       | Chi phí PTDV nội soi hông lưng lấy sỏi niệu quản                               | Đồng/Lần    | 5.000.000                  |         |
| 22       | Chi phí PTDV phẫu thuật cắt đốt nội soi bướu lành tiền liệt tuyến qua niệu đạo | Đồng/Lần    | 5.000.000                  |         |
| 23       | Chi phí PTDV phẫu thuật mổ hở lấy sỏi thận                                     | Đồng/Lần    | 5.000.000                  |         |
| 24       | Tán sỏi ngoài cơ thể                                                           | Đồng/Lần    | 1.500.000                  |         |
| <b>D</b> | <b>KHOA NGOẠI CTCH - BỔNG</b>                                                  |             |                            |         |
| 1        | Chi phí PTDV KHX đòn                                                           | Đồng/Lần    | 5.000.000                  |         |
| 2        | Chi phí PTDV KHX cánh tay                                                      | Đồng/Lần    | 7.000.000                  |         |
| 3        | Chi phí PTDV KHX cẳng tay                                                      | Đồng/Lần    | 7.000.000                  |         |

| STT      | TÊN DỊCH VỤ                                             | ĐƠN VỊ TÍNH | ĐƠN GIÁ DV<br>THEO YÊU CẦU | GHI CHÚ |
|----------|---------------------------------------------------------|-------------|----------------------------|---------|
| 4        | Chi phí PTDV KHX bàn ngón tay                           | Đồng/Lần    | 5.000.000                  |         |
| 5        | Chi phí PTDV KHX đùi                                    | Đồng/Lần    | 10.000.000                 |         |
| 6        | Chi phí PTDV KHX bánh chè                               | Đồng/Lần    | 5.000.000                  |         |
| 7        | Chi phí PTDV KHX cẳng chân                              | Đồng/Lần    | 8.000.000                  |         |
| 8        | Chi phí PTDV KHX bàn ngón chân                          | Đồng/Lần    | 5.000.000                  |         |
| 9        | Chi phí PTDV tháo dụng cụ vai + chi trên                | Đồng/Lần    | 3.000.000                  |         |
| 10       | Chi phí PTDV tháo dụng cụ chi dưới                      | Đồng/Lần    | 4.000.000                  |         |
| 11       | Chi phí PTDV hội chứng ống cổ tay                       | Đồng/Lần    | 2.000.000                  |         |
| 12       | Chi phí PTDV ngón tay cò súng                           | Đồng/Lần    | 1.200.000                  |         |
| 13       | Chi phí PTDV dequarvain                                 | Đồng/Lần    | 1.200.000                  |         |
| 14       | Chi phí PTDV nối gân vết thương cũ                      | Đồng/Lần    | 5.000.000                  |         |
| 15       | Chi phí PTDV bóc bướu                                   | Đồng/Lần    | 2.000.000                  |         |
| 16       | Chi phí PTDV phẫu thuật ghép da móng                    | Đồng/Lần    | 3.000.000                  |         |
| 17       | Chi phí PTDV TT rút đinh nhỏ                            | Đồng/Lần    | 1.000.000                  |         |
| 18       | Chi phí PTDV PT Nội soi tái tạo dây chằng               | Đồng/Lần    | 7.000.000                  |         |
| 19       | Chi phí PTDV PT Nội soi cắt lọc sụn khớp gối            | Đồng/Lần    | 5.000.000                  |         |
| 20       | Chi phí PTDV PT Thay khớp háng bán phần                 | Đồng/Lần    | 10.000.000                 |         |
| 21       | Chi phí PTDV PT Thay khớp háng toàn phần                | Đồng/Lần    | 10.000.000                 |         |
| 22       | Chi phí PTDV PT Thay khớp gối bán phần                  | Đồng/Lần    | 10.000.000                 |         |
| 23       | Chi phí PTDV PT Thay khớp gối toàn phần                 | Đồng/Lần    | 10.000.000                 |         |
| 24       | Chi phí PTDV PT Thay khớp vai                           | Đồng/Lần    | 10.000.000                 |         |
| <b>E</b> | <b>KHOA LIÊN CHUYÊN KHOA</b>                            |             |                            |         |
| 1        | Chi phí PTDV Cắt Amidan                                 | Đồng/Lần    | 3.000.000                  |         |
| 2        | Chi phí PTDV Cắt mộng thịt có ghép kết mạc              | Đồng/Lần    | 2.500.000                  |         |
| 3        | Chi phí PTDV Cắt nang xương hàm                         | Đồng/Lần    | 4.000.000                  |         |
| 4        | Chi phí PTDV Cắt quặm 1 mí                              | Đồng/Lần    | 2.000.000                  |         |
| 5        | Chi phí PTDV Cắt quặm 2 mí                              | Đồng/Lần    | 2.500.000                  |         |
| 6        | Chi phí PTDV Cắt thẳng lưỡi, thẳng môi                  | Đồng/Lần    | 2.000.000                  |         |
| 7        | Chi phí PTDV Cắt u kết mạc                              | Đồng/Lần    | 2.000.000                  |         |
| 8        | Chi phí PTDV Cắt u mí                                   | Đồng/Lần    | 2.000.000                  |         |
| 9        | Chi phí PTDV Chính hình vách ngăn                       | Đồng/Lần    | 3.000.000                  |         |
| 10       | Chi phí PTDV Chính hình xương gò má - cung tiếp         | Đồng/Lần    | 4.000.000                  |         |
| 11       | Chi phí PTDV Kết hợp xương hàm trên                     | Đồng/Lần    | 5.000.000                  |         |
| 12       | Chi phí PTDV Kết hợp xương nẹp vít hàm dưới 1 đường gãy | Đồng/Lần    | 5.000.000                  |         |
| 13       | Chi phí PTDV Kết hợp xương nẹp vít hàm dưới 2 đường gãy | Đồng/Lần    | 6.000.000                  |         |
| 14       | Chi phí PTDV Khâu lỗ tai thẩm mỹ                        | Đồng/Lần    | 1.000.000                  |         |

| STT         | TÊN DỊCH VỤ                                                              | ĐƠN VỊ TÍNH | ĐƠN GIÁ DV<br>THEO YÊU CẦU | GHI CHÚ |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------|---------|
| 15          | Chi phí PTDV Mô xoang nội soi                                            | Đồng/Lần    | 5.000.000                  |         |
| 16          | Chi phí PTDV Nâng xương chính mũi                                        | Đồng/Lần    | 3.000.000                  |         |
| 17          | Chi phí PTDV PT điều trị gãy xương gò má- cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim | Đồng/Lần    | 8.000.000                  |         |
| 18          | Chi phí PTDV Rút ngắn cơ nâng mí                                         | Đồng/Lần    | 2.500.000                  |         |
| 19          | Chi phí PTDV cắt u vùng mặt                                              | Đồng/Lần    | 1.200.000                  |         |
| 20          | Chi phí PTDV Tháo nẹp vít                                                | Đồng/Lần    | 3.000.000                  |         |
| <b>IV.2</b> | <b>Dịch vụ phẫu thuật, thủ thuật thực hiện trong ngày</b>                |             |                            |         |
| <b>A</b>    | <b>KHOA SẢN</b>                                                          |             |                            |         |
| 1           | Đặt vòng pesary nâng cổ tử cung dự phòng sảy thai to, sinh non           | Đồng/Lần    | 2.200.000                  |         |
| 2           | Đặt vòng pesary nâng âm đạo, điều trị sa sinh dục                        | Đồng/Lần    | 1.800.000                  |         |
| 3           | Que cấy ngừa thai                                                        | Đồng/Lần    | 2.500.000                  |         |
| 4           | Khâu tầng sinh môn                                                       | Đồng/Lần    | 2.500.000                  |         |
| 5           | Dịch vụ da kẻ da sau mổ                                                  | Đồng/Lần    | 320.000                    |         |
| 6           | Đơn vị giảm đau sau mổ                                                   | Đồng/Lần    | 1.500.000                  |         |
| 7           | Dịch vụ đẻ không đau                                                     | Đồng/Lần    | 2.000.000                  |         |
| 8           | Dịch vụ xô lỗ tai trẻ sơ sinh                                            | Đồng/Lần    | 100.000                    |         |
| 9           | Tắm và Massage cho trẻ sơ sinh                                           | Đồng/Lần    | 50.000                     |         |
| 10          | Hút sữa, thông tắc tuyến sữa                                             | Đồng/Lần    | 100.000                    |         |
| 11          | Gội đầu cho sản phụ sau sanh                                             | Đồng/Lần    | 40.000                     |         |
| 12          | Dịch vụ xông phục hồi sản chậu                                           | Đồng/Lần    | 70.000                     |         |
|             | <b>KHOA NGOẠI TỔNG HỢP</b>                                               |             |                            |         |
| 1           | Chi phí PTDV TT rạch áp xe                                               | Đồng/Lần    | 500.000                    |         |
| 2           | Chi phí rạch trĩ tắc mạch                                                | Đồng/Lần    | 500.000                    |         |
| 3           | Chi phí thay ống thông, ống dẫn lưu các loại                             | Đồng/Lần    | 500.000                    |         |
| 4           | Chi phí PTDV cắt u lành phần mềm                                         | Đồng/Lần    | 1.500.000                  |         |
| <b>C</b>    | <b>KHOA NGOẠI THẬN - TIẾT NIỆU</b>                                       |             |                            |         |
| 1           | Thủ thuật rạch áp xe, cắt bứu nhô, chai                                  | Đồng/Lần    | 300.000                    |         |
| 2           | Chi phí PTDV Thủ thuật nong bao quy đầu TE                               | Đồng/Lần    | 500.000                    |         |
| 3           | Rút sonde niệu quản                                                      | Đồng/Lần    | 1.000.000                  |         |
| <b>D</b>    | <b>KHOA NGOẠI CTCH - BÔNG</b>                                            |             |                            |         |
| 1           | Chi phí PTDV Hội chứng ống cổ tay                                        | Đồng/Lần    | 1.500.000                  |         |
| 2           | Chi phí PTDV Hội chứng Dequevain                                         | Đồng/Lần    | 1.500.000                  |         |
| 3           | Chi phí PTDV Ngón tay lò xo                                              | Đồng/Lần    | 1.500.000                  |         |
| 4           | Chi phí PTDV Bướu tứ chi đơn giản                                        | Đồng/Lần    | 1.500.000                  |         |
| 5           | Chi phí PTDV Rút đinh K đơn giản                                         | Đồng/Lần    | 1.500.000                  |         |
| 6           | Chi phí PTDV Móng chọc thịt                                              | Đồng/Lần    | 1.500.000                  |         |

| STT | TÊN DỊCH VỤ                                                  | ĐƠN VỊ TÍNH | ĐƠN GIÁ DV<br>THEO YÊU CẦU | GHI CHÚ                              |
|-----|--------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------|--------------------------------------|
| 7   | Chi phí PTDV Khâu nối gân đơn giản                           | Đồng/Lần    | 1.500.000                  |                                      |
| 8   | Thay bột                                                     | Đồng/Lần    | 200.000                    |                                      |
| 9   | Tháo Bột                                                     | Đồng/Lần    | 80.000                     |                                      |
| 10  | Thay băng                                                    | Đồng/Lần    | 80.000                     |                                      |
| 11  | Thủ thuật rút đinh đơn giản                                  | Đồng/Lần    | 200.000                    |                                      |
| 12  | Tiêm SAT                                                     | Đồng/Lần    | 50.000                     | Chưa bao gồm tiền thuốc, vật tư y tế |
| 13  | Tiêm khớp                                                    | Đồng/Lần    | 200.000                    | Chưa bao gồm tiền thuốc, vật tư y tế |
| E   | <b>KHOA PHỤC HỒI CHỨC NĂNG - VẬT LÝ TRỊ LIỆU</b>             |             |                            |                                      |
| 1   | Kỹ thuật thông mũi ngược dòng ở trẻ em                       | Đồng/Lần    | 100.000                    |                                      |
| 2   | Tập vận động có trợ giúp                                     | Đồng/Lần    | 100.000                    |                                      |
| 3   | Tập luyện với ghế tập mạnh cơ tứ đầu                         | Đồng/Lần    | 20.000                     |                                      |
| 4   | Tập với hệ thống ròng rọc                                    | Đồng/Lần    | 20.000                     |                                      |
| 5   | Tập với xe đạp tập                                           | Đồng/Lần    | 20.000                     |                                      |
| 6   | Tập thăng bằng với bàn bập bênh                              | Đồng/Lần    | 30.000                     |                                      |
| 7   | Điều trị bằng tia hồng ngoại                                 | Đồng/Lần    | 40.000                     |                                      |
| 8   | Xoa bóp bằng máy                                             | Đồng/Lần    | 40.000                     |                                      |
| 9   | Tập ho có trợ giúp                                           | Đồng/Lần    | 40.000                     |                                      |
| 10  | Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống                          | Đồng/Lần    | 50.000                     |                                      |
| 11  | Tập lên, xuống cầu thang                                     | Đồng/Lần    | 50.000                     |                                      |
| 12  | Tập ngồi thăng bằng tĩnh và động                             | Đồng/Lần    | 50.000                     |                                      |
| 13  | Điều trị bằng siêu âm                                        | Đồng/Lần    | 60.000                     |                                      |
| 14  | Điều trị bằng các dòng điện xung                             | Đồng/Lần    | 70.000                     |                                      |
| 15  | Điều trị bằng sóng xung kích                                 | Đồng/Lần    | 70.000                     |                                      |
| 16  | Bó farafin                                                   | Đồng/Lần    | 70.000                     |                                      |
| 17  | Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người    | Đồng/Lần    | 80.000                     |                                      |
| 18  | Tập đứng thăng bằng tĩnh và động                             | Đồng/Lần    | 80.000                     |                                      |
| 19  | Tập do liệt ngoại biên                                       | Đồng/Lần    | 80.000                     |                                      |
| 20  | Tập do cứng khớp                                             | Đồng/Lần    | 100.000                    |                                      |
| 21  | Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người        | Đồng/Lần    | 100.000                    |                                      |
| 22  | Kỹ thuật xoa bóp vùng (bằng tay Kỹ thuật viên)               | Đồng/Lần    | 100.000                    |                                      |
| 23  | Tập vận động có kháng trở                                    | Đồng/Lần    | 100.000                    |                                      |
| 24  | Tập vận động thụ động                                        | Đồng/Lần    | 100.000                    |                                      |
| 25  | Tập do liệt thần kinh trung ương                             | Đồng/Lần    | 100.000                    |                                      |
| 26  | Điều trị bằng laser nội mạch công suất thấp (Đã bao gồm kim) | Đồng/Lần    | 120.000                    |                                      |
| F   | <b>Khoa Nội tổng hợp</b>                                     |             |                            |                                      |
| 1   | Đo chức năng hô hấp theo yêu cầu                             | Đồng/Lần    | 130.000                    |                                      |

| STT          | TÊN DỊCH VỤ                                                                                                                                                                                                 | ĐƠN VỊ TÍNH | ĐƠN GIÁ DV<br>THEO YÊU CẦU | GHI CHÚ                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>V</b>     | <b>Dịch vụ phẫu thuật chuyên gia</b>                                                                                                                                                                        |             |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 1            | Phẫu thuật cột sống chuyên gia (T2&T6)                                                                                                                                                                      | Đồng/Lần    | 13.000.000                 | Chưa bao gồm: giá phẫu thuật, thủ thuật theo quy định tại Thông tư số 13/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019 của Bộ Y tế và Thông tư số 14/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019 của Bộ Y tế; giá phẫu thuật, thủ thuật theo từng chuyên khoa tại mục V của phụ lục này; chi phí đi lại, lưu trú của chuyên gia (theo giá thực tế) |
| 2            | Phẫu thuật cột sống chuyên gia ( T3,T4,T5)                                                                                                                                                                  | Đồng/Lần    | 20.000.000                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 3            | Phẫu thuật loại đặc biệt                                                                                                                                                                                    | Đồng/Lần    | 10.000.000                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 4            | Phẫu thuật loại 1                                                                                                                                                                                           | Đồng/Lần    | 8.000.000                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 5            | Phẫu thuật loại 2                                                                                                                                                                                           | Đồng/Lần    | 7.000.000                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 6            | Phẫu thuật loại 3                                                                                                                                                                                           | Đồng/Lần    | 5.000.000                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 7            | Thủ thuật loại đặc biệt                                                                                                                                                                                     | Đồng/Lần    | 4.000.000                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 8            | Thủ thuật loại 1                                                                                                                                                                                            | Đồng/Lần    | 3.000.000                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>VI</b>    | <b>Xét nghiệm sàng lọc</b>                                                                                                                                                                                  |             |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 1            | Xét nghiệm NIPT 9.5                                                                                                                                                                                         | Đồng/Lần    | 4.500.000                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 2            | Xét nghiệm TriSure                                                                                                                                                                                          | Đồng/Lần    | 6.000.000                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 3            | Xét nghiệm TriSure First (khảo sát 03 bất thường phổ biến)                                                                                                                                                  | Đồng/Lần    | 2.300.000                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 4            | Sàng lọc trước sinh double test                                                                                                                                                                             | Đồng/Lần    | 450.000                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>VII</b>   | <b>Dịch vụ chuyển bệnh theo yêu cầu</b>                                                                                                                                                                     |             |                            | Nếu có nhiều bệnh nhân có yêu cầu cũng vận chuyển 01 chuyển thì mỗi bệnh nhân phải chịu một phần chi phí                                                                                                                                                                                                       |
| <b>VII.1</b> | <b>Chuyển bệnh theo yêu cầu</b>                                                                                                                                                                             |             |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 1            | Từ bệnh viện ĐKKV Long Khánh đến các Bệnh viện ở TP. Biên Hòa (không điều dưỡng)                                                                                                                            | Đồng/Chuyển | 1.360.000                  | Thêm điều dưỡng: 190.000đ<br>Thêm bác sĩ: 200.000đ                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 2            | Từ bệnh viện ĐKKV Long Khánh đến các Bệnh viện ở TP. Hồ Chí Minh (không điều dưỡng)                                                                                                                         | Đồng/Chuyển | 1.850.000                  | Thêm điều dưỡng: 250.000đ<br>Thêm bác sĩ: 300.000đ                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 3            | Từ bệnh viện ĐKKV Long Khánh về Nội ô Long Khánh (xã bầu trâm, xã suối tre, xã bầu sen, xã xuân lập, thị xã Long Khánh, xã bảo vinh) (không điều dưỡng)                                                     | Đồng/Chuyển | 350.000                    | Thêm điều dưỡng/ bác sĩ: 50.000đ                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 4            | Từ bệnh viện ĐKKV Long Khánh về Nội ô Long Khánh (xã xuân tân, xã bảo quang, xã bình lộc, xã hàng gòn) (không điều dưỡng)                                                                                   | Đồng/Chuyển | 430.000                    | Thêm điều dưỡng/ bác sĩ: 130.000đ                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 5            | Từ bệnh viện ĐKKV Long Khánh về các huyện khác ( thuộc tỉnh Đồng Nai)                                                                                                                                       | Đồng/Chuyển |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|              | + Huyện Xuân Lộc (trừ các xã: Suối Cao, Xuân Hưng, Xuân Tâm, Xuân Thành, Xuân Hòa) (không điều dưỡng)                                                                                                       | Đồng/Chuyển | 820.000                    | Thêm điều dưỡng/ bác sĩ: 150.000đ                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|              | + Huyện Cẩm Mỹ ( Trừ các xã: Sông Ray, Sông Nhạn, Xuân Quế, Thử Đức, Xuân Mỹ, Lâm San, Xuân Tây) và các xã của huyện thống nhất (xuân thanh, xuân thiện, Quang Trung) (không điều dưỡng)                    | Đồng/Chuyển | 760.000                    | Thêm điều dưỡng/ bác sĩ: 140.000đ                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|              | + Các huyện còn lại và các xã (Suối Cao, Xuân Hưng, Xuân Tâm, Xuân Thành , xuân hòa, sông ray, sông nhạn, Xuân quế, Thửa đức, Xuân mỹ, Lâm san, Xuân Tây) của hai huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ (không điều dưỡng) | Đồng/Chuyển | 1.010.000                  | Thêm điều dưỡng/ bác sĩ: 160.000đ                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 6            | Từ bệnh viện ĐKKV Long Khánh về các tỉnh khác (tính km cả đi và về)                                                                                                                                         | Đồng/Chuyển |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

| STT          | TÊN DỊCH VỤ                                                                                                                                                                                                 | ĐƠN VỊ TÍNH | ĐƠN GIÁ DV<br>THEO YÊU CẦU | GHI CHÚ                           |
|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------|-----------------------------------|
|              | + Chuyển bệnh dịch vụ về Ngoại tỉnh 1km- 20km (không điều dưỡng)                                                                                                                                            | Đồng/Chuyển | 510.000                    | Thêm điều dưỡng/ bác sĩ: 200.000đ |
|              | + Chuyển bệnh dịch vụ về Ngoại tỉnh tính từ km thứ 20km trở lên                                                                                                                                             | Đồng/Chuyển | Số km*10.000               |                                   |
| <b>VII.2</b> | <b>Chuyển bệnh tử vong</b>                                                                                                                                                                                  |             |                            |                                   |
| 1            | Từ bệnh viện ĐKKV Long Khánh về Nội ô Long Khánh (xã bầu trâm, xã suối tre, xã bầu sen, xã xuân lập, thị xã Long Khánh, xã bảo vinh) (không điều dưỡng)                                                     | Đồng/Chuyển | 450.000                    | Thêm điều dưỡng/ bác sĩ: 150.000đ |
| 2            | Từ bệnh viện ĐKKV Long Khánh về Ngoại ô Long Khánh (xã xuân tân, xã bảo quang, xã bình lộc, xã hàng gòn) (không điều dưỡng)                                                                                 | Đồng/Chuyển | 840.000                    | Thêm điều dưỡng/ bác sĩ: 170.000đ |
| 3            | Từ bệnh viện ĐKKV Long Khánh về các huyện khác ( thuộc tỉnh Đồng Nai)                                                                                                                                       | Đồng/Chuyển |                            |                                   |
|              | + Huyện Xuân Lộc (trừ các xã: Suối Cao, Xuân Hưng, Xuân Tâm, Xuân Thành, Xuân Hòa) (không điều dưỡng)                                                                                                       | Đồng/Chuyển | 1.050.000                  | Thêm điều dưỡng/ bác sĩ: 200.000đ |
|              | + Huyện Cẩm Mỹ ( Trừ các xã: Sông Ray, Sông Nhạn, Xuân Quế, Thử Đức, Xuân Mỹ, Lâm San, Xuân Tây) và các xã của huyện thống nhất (xuân thanh, xuân thiện, Quang Trung) (không điều dưỡng)                    | Đồng/Chuyển | 1.050.000                  | Thêm điều dưỡng/ bác sĩ: 200.000đ |
|              | + Các huyện còn lại và các xã (Suối Cao, Xuân Hưng, Xuân Tâm, Xuân Thành , xuân hòa, sông ray, sông nhạn, Xuân quế, Thừa đức, Xuân mỹ, Lâm san, Xuân Tây) của hai huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ (không điều dưỡng) | Đồng/Chuyển | 1.120.000                  | Thêm điều dưỡng/ bác sĩ: 200.000đ |
| 4            | Từ bệnh viện ĐKKV Long Khánh đến các Bệnh viện ở TP. Hồ Chí Minh (không điều dưỡng)                                                                                                                         | Đồng/Chuyển | 2.850.000                  | Thêm điều dưỡng/ bác sĩ: 280.000đ |
| 5            | Chuyển bệnh tử vong                                                                                                                                                                                         |             |                            |                                   |
|              | + Chuyển bệnh dịch vụ về Ngoại tỉnh 1km- 20km (không điều dưỡng)                                                                                                                                            | Đồng/Chuyển | 680.000                    | Thêm điều dưỡng/ bác sĩ: 350.000đ |
|              | + Chuyển bệnh dịch vụ về Ngoại tỉnh tính từ km thứ 20km trở lên                                                                                                                                             | Đồng/Chuyển | Số km*10.000               |                                   |
| <b>VIII</b>  | <b>Dịch vụ y tế và ngoài y tế khác theo yêu cầu của người bệnh</b>                                                                                                                                          |             |                            |                                   |
| 1            | Số khám bệnh                                                                                                                                                                                                | Đồng/Lần    | 5.000                      |                                   |
| 2            | Ghế Massage                                                                                                                                                                                                 | Đồng/Lần    | 10.000                     |                                   |
| 3            | Dịch vụ giặt đồ                                                                                                                                                                                             |             |                            |                                   |
|              | + <i>Vỏ gối, vỏ chăn</i>                                                                                                                                                                                    | <i>Cái</i>  | <i>3.000</i>               |                                   |
|              | + <i>Quần sọc; Bộ quần áo lót</i>                                                                                                                                                                           | <i>Cái</i>  | <i>4.000</i>               |                                   |
|              | + <i>Bộ đồ trẻ em</i>                                                                                                                                                                                       | <i>Cái</i>  | <i>5.000</i>               |                                   |
|              | + <i>Áo sơ mi ngắn tay; khăn tắm to</i>                                                                                                                                                                     | <i>Cái</i>  | <i>6.000</i>               |                                   |
|              | + <i>Áo sơ mi dài tay; Quần Jeans; Quần tây</i>                                                                                                                                                             | <i>Cái</i>  | <i>8.000</i>               |                                   |
|              | + <i>Áo sơ mi vải Jeans; Áo khoác</i>                                                                                                                                                                       | <i>Cái</i>  | <i>10.000</i>              |                                   |
|              | + <i>Đồ bộ người lớn</i>                                                                                                                                                                                    | <i>Cái</i>  | <i>15.000</i>              |                                   |
|              | + <i>Bộ đồ Blouse</i>                                                                                                                                                                                       | <i>Cái</i>  | <i>20.000</i>              |                                   |
|              | + <i>Mền</i>                                                                                                                                                                                                | <i>Cái</i>  | <i>40.000</i>              |                                   |
|              | + <i>Giặt ủi</i>                                                                                                                                                                                            | <i>Cái</i>  | <i>20.000</i>              |                                   |
| 4            | Nước uống đóng chai 1,5L                                                                                                                                                                                    | Đồng/Lần    | 8.000                      |                                   |
| 5            | Nước uống đóng chai 500ml                                                                                                                                                                                   | Đồng/Lần    | 4.000                      |                                   |
| 6            | Nước uống đóng chai 5L                                                                                                                                                                                      | Đồng/Lần    | 20.000                     |                                   |
| 7            | Dịch vụ Tắm Khô                                                                                                                                                                                             | Đồng/Lần    | 50.000                     |                                   |

| STT | TÊN DỊCH VỤ                                                                                  | ĐƠN VỊ TÍNH | ĐƠN GIÁ DV<br>THEO YÊU CẦU | GHI CHÚ |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------|---------|
| 8   | Thẻ đeo tên bệnh nhân có dây đeo                                                             | Đồng/Lần    | 5.000                      |         |
| 9   | Thẻ thăm bệnh có dây đeo                                                                     | Đồng/Lần    | 5.000                      |         |
| 10  | Dịch vụ gội đầu                                                                              | Đồng/Lần    | 40.000                     |         |
| 11  | Dịch vụ tắm trước phẫu thuật                                                                 | Đồng/Suất   | 25.000                     |         |
| 12  | Cấp lại các loại giấy tờ                                                                     | Đồng/Lần    | 20.000                     |         |
| 12  | Dịch vụ chăm sóc chuyên sâu                                                                  | Đồng/Lần    | 1.000.000                  |         |
| 13  | Cấp lại hồ sơ bệnh án; giấy chứng thương; y chứng (chứng nhận nằm viện, tình trạng bệnh tật) | Đồng/Lần    | 120.000                    |         |